

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CỦA NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG NGỌC SƠN - THANH HÓA SAU KHI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG FSC

Lê Thị Huyền Trang¹, Dương Tiến Đức¹, Bùi Thế Đồi²

¹Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp nhiệt đới

²Trường Đại học Lâm nghiệp

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.1.036-045>

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 07 năm 2021 nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện quản lý rừng bền vững (QLRBV) của nhóm hộ Chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa sau khi được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Tổng số 12 ô tiêu chuẩn (500 m²/OTC) được thiết lập để đánh giá sinh trưởng và năng suất, 50 hộ trồng Vầu và 50 hộ trồng Luồng được lựa chọn để phỏng vấn hiệu quả quản lý rừng (Kinh tế - Xã hội - Môi trường). Kết quả cho thấy, rừng Luồng có mật độ khóm bình quân là 209 khóm/ha, số cây bình quân trên mỗi khóm đạt từ 10 đến 16 cây, mật độ cây bình quân đạt 1.700 cây/ha, trữ lượng bình quân đạt 52,4 tấn/ha đạt sinh trưởng tốt. Chất lượng rừng Vầu có sinh trưởng rất tốt và cho năng suất cao, có mật độ cây 7.487 cây/ha, trữ lượng trung bình đạt 16,2 tấn/ha, đáp ứng được chất lượng theo yêu cầu thị trường. Thu nhập bình quân từ Vầu, Luồng đạt 30 - 45 triệu đồng/hộ/năm vào năm 2021, cao hơn so với năm 2018 chưa có chứng chỉ rừng lần lượt đối với Vầu là 63,1% và Luồng là 62,6%. Hiện nay thị trường tiêu thụ các sản phẩm đầu ra từ Vầu, Luồng chưa ổn định, giá bán sản phẩm có Chứng chỉ rừng bằng với giá thị trường, năm 2021 giá bán sản phẩm là 1,8 triệu/tấn Vầu và 1,1 triệu/tấn Luồng. Sau khi đạt được Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC nhóm hộ Chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa đã nâng cao được hiệu quả kinh tế, kinh doanh và tăng thu nhập cho người dân địa phương tại 2 xã Tam Thanh và Tam Lư. Thông qua đó, hoạt động quản lý rừng của chủ rừng là các nhóm hộ đã được công nhận và tin cậy, Trình độ nhận thức và năng lực của cán bộ, người dân tham gia thực hiện chứng chỉ rừng được nâng cao góp phần làm giảm áp lực lên tài nguyên rừng.

Từ khoá: Luồng, nhóm hộ Chứng chỉ rừng, Quan Sơn - Thanh Hóa, quản lý rừng bền vững, Vầu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quan Sơn (Thanh Hóa) là huyện biên giới có địa hình đồi núi cao, khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp với sự phát triển kinh tế lâm nghiệp thông qua hoạt động trồng rừng với một số loài cây chủ lực. Trong thời gian qua, huyện đã xác định cây Vầu (*Indosasa amabilis*) và cây Luồng (*Dendrocalamus barbatus*) là các loài cây mũi nhọn trong phát triển kinh tế của người dân trên địa bàn, có khả năng xuất khẩu, mở ra cơ hội tiêu thụ với sản lượng lớn và nâng cao giá trị kinh tế địa phương.

Năm 2017 Ban đại diện Nhóm hộ Chứng chỉ rừng (CCR) Ngọc Sơn Thanh Hóa (Nhóm hộ) được thành lập, gồm 69 thành viên, đại diện cho 637 hộ trồng rừng tại 2 xã vùng biên giới Tam Thanh và Tam Lư. Với tổng diện tích 3.045 ha tham gia CCR, trong đó xã Tam Lư gồm có 35

hộ đại diện, với diện tích xin cấp chứng chỉ FSC là 1.645,9 ha (630,8 ha Vầu; 963,4 ha Luồng; 31,9 ha đất quy hoạch trồng rừng và 19,8 ha hành lang bảo vệ nguồn nước) và xã Tam Thanh có 34 hộ đại diện, với diện tích xin cấp chứng chỉ FSC là 1.399,1 ha (1.081,2 ha Vầu, 292,6 ha Luồng và 25,3 ha hành lang bảo vệ nguồn nước), còn 909,5 ha diện tích nằm ngoài diện tích xin cấp chứng chỉ rừng (UBND huyện Quan Sơn, 2018).

Năm 2019, Hội đồng Quản trị rừng Quốc tế (GFA) cấp giấy phép số FSC - C142381 ngày 05/04/2019 cho diện tích 3.045 ha rừng trồng Vầu, Luồng nói trên của huyện. Như vậy, Quan Sơn là huyện có diện tích rừng Vầu, Luồng đầu tiên trên cả nước được cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Năm 2020 và 2021, Nhóm hộ đã và đang trong quá trình thực hiện duy trì

CCR, tuân thủ đầy đủ các quy định và nguyên tắc trong quản lý rừng bền vững. Từ khi được cấp chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để đánh giá hiệu quả quản lý rừng (về kinh tế, xã hội, môi trường) tại khu vực. Do vậy, chưa có thông tin về hiệu quả quản lý rừng làm cơ sở cho việc mở rộng quy mô và triển khai cấp CCR cho loại rừng này ở các khu vực khác của tỉnh Thanh Hóa, cũng như trên phạm vi cả nước. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm góp phần xác định thực trạng, chỉ ra những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý rừng của nhóm hộ chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa, đảm bảo hoạt động kinh doanh lâu dài đạt năng suất và hiệu quả cao, đáp ứng đòi hỏi của ngành trong việc tăng cường công tác cấp CCR trên phạm vi cả nước.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 02 xã Tam Thanh và Lam Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp kế thừa

Kế thừa thông tin, tài liệu, bản đồ và báo cáo Phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) của nhóm hộ Chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa tại Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới.

2.2.2. Phương pháp điều tra thực địa

Điều tra thực địa từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2021. 06 bản trong tổng số 14 bản có diện tích đã được cấp CCR được lựa chọn để lập 12 ô tiêu chuẩn (OTC) với diện tích 500 m² (25 x 20 m). Phân bố OTC theo từng bản được ghi tại bảng 1.

Bảng 1. Phân bố OTC theo xã, bản

Xã	Thôn/Bản	Diện tích tham gia CCR (ha)			Số OTC
		Tổng	Vào	Luồng	
Tam Thanh	Bản Phe	168,0	98,9	69,1	2
	Bản Kham	205,02	115,1	90,1	2
	Bản Cha Lung	293,8	268,2	25,6	2
Tam Lư	Bản Hát	290,7	112,1	178,6	2
	Bản Hậu	299,6	84,6	215,0	2
	Bản Sại	163,2	30,3	132,9	2
Tổng		1.420,3	709,2	711,3	12

Việc lập OTC trong khu vực nghiên cứu tiến hành điều tra trên OTC được tiến hành theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

Theo đó, tại mỗi OTC điều tra các tiêu chí đánh giá, bao gồm: năm trồng, số khóm/ha, số cây/khóm, số cây trong từng độ tuổi, kích thước cây, chất lượng cây và một số thông tin về địa hình, thổ nhưỡng (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2000).

2.2.3. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn được thực hiện để đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường sau khi đạt chứng chỉ Quản lý rừng FSC của Nhóm hộ CCR Ngọc Sơn - Thanh Hóa.

Đối tượng phỏng vấn gồm: Nhóm các nhà quản lý; Nhóm hộ tham gia chứng chỉ FSC.

Nội dung thông tin thu thập gồm: hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, năng suất, giá cả và hiểu biết, nhận thức của người dân về Quản lý rừng bền vững và CCR; Mức độ mong muốn tham gia CCR FSC. Số liệu điều tra, phỏng vấn được tổng hợp và phân tích theo các phương pháp thống kê thông dụng trong lâm nghiệp.

Bảng 2. Bảng thống kê số lượng phiếu phỏng vấn

TT	Xã/Bản	Số phiếu phỏng vấn hộ trồng Vầu	Số phiếu phỏng vấn hộ trồng Luồng
I	Nhóm các nhà quản lý	02	02
II	Nhóm hộ tham gia chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC		
1	Bản Bôn	5	5
	Xã Bản Kham	5	5
	Tam Bản Cha Lung	5	5
	Thanh Bản Ngàm	5	5
	Bản Phe	5	5
2	Bản Hát	5	5
	Xã Bản Hậu	5	5
	Tam Bản Muống	5	5
	Lư Bản Sại	5	5
	Bản Tình	5	5
TỔNG		52	52

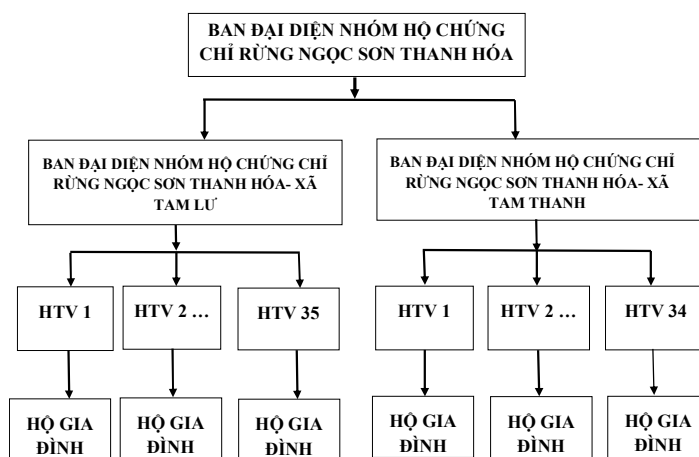
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng của nhóm hộ CCR Ngọc Sơn - Thanh Hóa

Mục tiêu chung của QLRBV và CCR theo nhóm hộ là đảm bảo kinh doanh lâu dài, liên tục với năng suất, hiệu quả ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu về kinh tế, xã hội, và sinh thái, văn hóa một cách bền vững và có hiệu quả hơn, nâng cao giá trị sử dụng rừng trên một đơn vị diện tích (Forest Stewardship Council, 2021). Việc tạo ra các sản phẩm từ rừng không làm tổn hại mà còn

giúp bảo đảm tài nguyên rừng cho các thế hệ tương lai.

Kế hoạch hoạt động của Nhóm hộ hướng đến 3 mục tiêu cụ thể: (1) Nâng cao nhận thức, năng lực cho chủ rừng về kỹ năng QLRBV và CCR; (2) Thiết lập tổ chức về giám sát; (3) Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy QLRBV và CCR, qua đó Nhóm hộ đã hoạt động tổ chức gồm có 01 ban đại diện cấp huyện, 02 ban đại diện cấp xã, 69 nhóm hộ để điều hành và quản lý 637 hộ thành viên tham gia CCR (UBND huyện Quan Sơn, 2018), theo sơ đồ hình 1.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức nhóm hộ CCR Ngọc Sơn - Thanh Hóa

Trải qua giai đoạn đánh giá về Phương án QLRBV và quá trình kiểm tra, rà soát bộ hồ sơ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí Chứng chỉ rừng quốc tế trong Quản lý rừng bền vững FSC cho nhóm hộ chứng chỉ rừng Ngọc Sơn Thanh Hóa,

ngày 05/04/2019 tổ chức GFA đã chính thức thông báo cấp Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững quốc tế FSC. Chứng chỉ có giá trị cho toàn bộ sản phẩm Vầu, Luồng của nhóm hộ chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa sử dụng vào

mục đích thương mại trên thị trường toàn thế giới với hiệu lực từ ngày 05/04/2019 đến 04/04/2024 (kỳ hạn đánh giá lại 1 năm 1 lần theo qui định của FSC). Như vậy, toàn bộ các sản phẩm nguồn gốc từ Vầu, Luồng của Nhóm hộ chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa và Công ty cổ phần Ngọc Sơn Thanh Hóa chính thức đủ điều kiện về pháp lý, chất lượng để lưu thông trên toàn thế giới, kể cả các thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật...

3.2. Khả năng sinh trưởng và năng suất rừng Vầu, Luồng của nhóm hộ CCR sau khi được cấp chứng chỉ FSC

Khu vực nghiên cứu có nhiệt độ trung bình từ 22 - 26°C; Lượng mưa từ 1.200 - 1.900 mm/năm, độ ẩm không khí bình quân 85 - 86% (Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng huyện Quan Sơn, 2018, 2019, 2020, 2021). Rừng Vầu, Luồng được trồng ở độ cao từ 70 m đến 390 m; Độ dốc thấp nhất là 5°, cao nhất là 35° (Phạm Văn Điền và cộng sự, 2012). Như vậy, có thể thấy khu vực rừng Vầu, Luồng đã được cấp CCR của xã Tam Lư, Tam Thanh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để sinh trưởng

và phát triển.

Kết quả điều tra trên 06 OTC rừng Luồng cho thấy, có 03 OTC có trung bình 209 khóm/ha được hộ dân trồng và quy hoạch tuân thủ đúng theo quy định; trữ lượng bình quân đạt 52,4 tấn/ha, tuy nhiên đặc biệt có 02 OTC ghi nhận có cực đại 510 khóm/ha, cao hơn 300 khóm/ha so với tiêu chuẩn; trữ lượng đạt 110,52 tấn/ha, điều này do người dân canh tác trước thời điểm đánh giá cấp CCR chưa được cải tạo; 01 OTC ghi nhận có cực tiểu 100 khóm/ha, có số khóm thấp hơn 50% so với tiêu chuẩn chỉ cho trữ lượng 22,3 tấn/ha, do điều kiện địa hình dốc cây khó phát triển. Luồng có mật độ khóm bình quân là 209 khóm/ha, số cây bình quân trên mỗi khóm từ 5 đến 16 cây, số cây bình quân của rừng đạt 1.790 cây/ha, ở độ tuổi 1 và tuổi 2 là những cây có khả năng sinh măng cao, cho thấy sức sinh trưởng luồng ở đây rất lớn, đặc điểm lâm phần Luồng tại bảng 03. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật theo Phương án quản lý rừng và yêu cầu theo tiêu chuẩn FSC có hiệu quả cao trong hoạt động trồng, chăm sóc và khai thác Luồng.

Bảng 3. Đặc điểm lâm phần Luồng tại khu vực nghiên cứu

Chỉ tiêu	Cực đại	Cực tiểu	Bình quân
Số khóm (khóm/ha)	510	115	209
Số cây bình quân (cây/khóm)	16	5	7,91
Số cây (cây/ha)	3.650	1.103	1.790
Số cây tuổi 1 (cây/ha)	1.220	245	680
Số cây tuổi 2 (cây/ha)	1.315	350	639
Số cây tuổi 3 (cây/ha)	780	137	355
Số cây tuổi ≥ 4 (cây/ha)	1.480	50	170
Số măng (măng/ha/năm)	1.280	310	682
Đường kính gốc (cm)	11,32	5,8	8,6
Chiều cao vút ngọn (H,m)	14,24	8,2	10,7
Trữ lượng (tấn/ha)	110,52	22,3	52,4

Kết quả điều tra trên 06 OTC rừng Vầu có 01 OTC có diện tích hiện đang bị suy thoái, năng suất và chất lượng giảm sút tại OTC số 05 tại Bản Kham xã Tam Thanh, diện tích trồng trên các điều kiện địa hình không phù hợp tại nơi có độ dốc $> 30^\circ$, có tăng cường bón phân thúc đẩy sự phát triển của cây luồng, tăng khả

năng giữ đất, giảm xói mòn. 03 OTC có mật độ cây 7.487 cây/ha được hộ dân trồng và quy hoạch đúng quy định trữ lượng đạt 16,2 tấn/ha, tuy nhiên cá biệt có 02 OTC ghi nhận có mật độ cây Vầu đạt cực đại 13.079 cây/ha có trữ lượng đạt 24,85 tấn/ha cho thấy có mật độ cây cao nhưng trữ lượng trên từng cây thấp so với tiêu

chuẩn, cần có biện pháp tía thưa. 01 OTC ghi nhận có mật độ cây rất thấp 2.305 cây/ha chỉ cho trữ lượng 8,5 tấn/ha, do địa hình khu vực đồi núi dốc, chất lượng đất bị thoái hóa do xói mòn đất,

đặc điểm lâm phần Vầu tại bảng số 4. Kết quả điều tra cho thấy, chất lượng rừng Vầu có sinh trưởng tốt và cho năng suất cao phù hợp với mô tả của Phạm Văn Điền và cộng sự (2012).

Bảng 4. Đặc điểm lâm phần Vầu tại khu vực nghiên cứu

Chỉ tiêu	Cực đại	Cực tiểu	Bình quân
Cây/ha	13.079	2.305	7.487
Cây non/ha	4.538	586	2.909
Cây vừa/ha	4.259	983	2.758
cây già/ha	5.904	1.029	3.521
Măng tb/ha	8.039	2.892	5.100
Đường kính gốc (cm)	8,6	2,3	5,7
Chiều cao vút ngọn (m)	10,2	3,4	8,3
Trữ lượng (tấn/ha)	24,85	8,5	16,2

3.3. Đánh giá hiệu quả QLRBV của nhóm hộ CCR Ngọc Sơn - Thanh Hóa sau khi được cấp Chứng chỉ rừng FSC

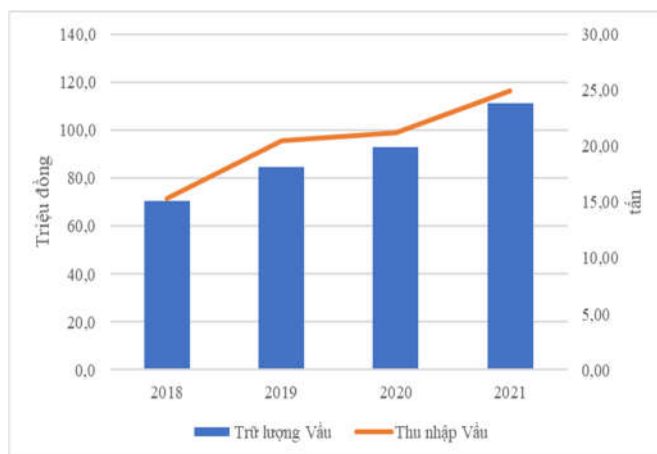
3.3.1. Hiệu quả kinh tế

Kết quả điều tra tổng số 50 hộ trồng Vầu và 50 hộ trồng Luồng trên địa bàn 02 xã Tam Thanh và Tam Lu trong giai đoạn 2018 - 2021 cho thấy, trữ lượng khai thác bình quân Vầu, Luồng tăng lần lượt: từ 15,09 tấn năm 2018 lên

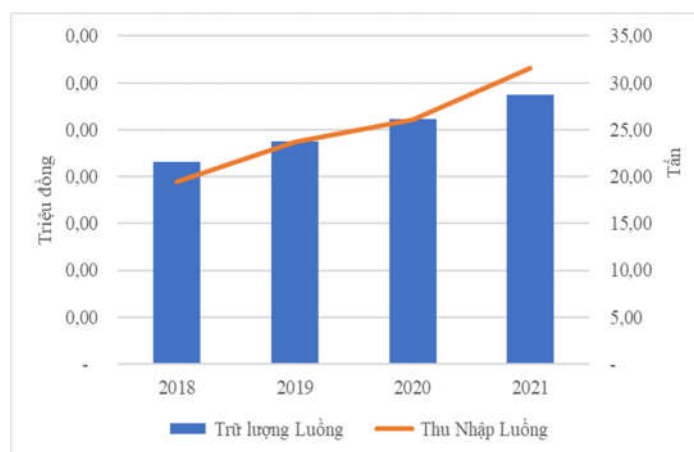
23,91 tấn năm 2021, tăng 58,4 % trữ lượng Vầu; năm 2018 21,55 tấn lên 28,68 tấn năm 2021, tăng 33,08 % trữ lượng Luồng; giá sản phẩm Vầu, Luồng tăng lần lượt từ năm 2018 là 1,5 và 0,9 triệu đồng/tấn lên 1,8 và 1,1 triệu đồng năm 2021, giá sản phẩm Vầu, Luồng năm 2021 tăng 20 % và 22,2 % so với năm 2018, chi tiết thể hiện tại bảng số 05 và biểu đồ tại hình số 3 và 4.

Bảng 5. Thống kê trữ lượng khai thác và thu nhập bình quân Vầu, Luồng

Năm	Trữ lượng khai thác (tấn)		Giá sản phẩm (triệu đồng/tấn)		Thu nhập (triệu đồng /năm)	
	Vầu	Luồng	Vầu	Luồng	Vầu	Luồng
2018	15,09	21,55	1,5	0,9	71,54	19,39
2019	18,11	23,70	1,7	1	95,93	23,70
2020	19,93	26,07	1,7	1	99,07	26,07
2021	23,91	28,68	1,8	1,1	116,67	31,54



Hình 3. Trữ lượng khai thác và thu nhập Vầu



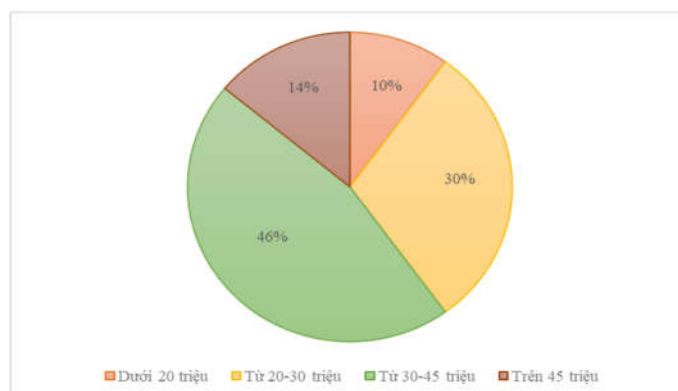
Hình 4. Trữ lượng khai thác và thu nhập Luồng

Số hộ có mức thu nhập dưới 20 triệu đồng từ khai thác Vầu chiếm 10% tổng số hộ trồng Vầu tham gia phỏng vấn, 15 hộ có mức thu nhập từ 20 - 30 triệu đồng chiếm 30%, mức thu nhập từ 30 đến 45 triệu đồng có 23 hộ chiếm 46%, còn lại 14% với 7 hộ có thu nhập cao hơn 45 triệu đồng/năm (chi tiết thống kê tại bảng số 06); Trong tổng số 50 hộ trồng Luồng có 3 hộ có mức thu nhập dưới 20 triệu đồng từ khai thác Luồng chiếm 6%, 19 hộ có mức thu nhập từ 20 - 30 triệu đồng chiếm 38%, mức thu nhập từ 30

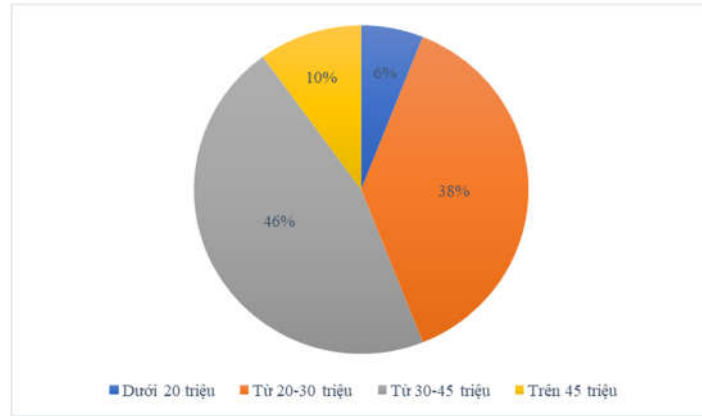
đến 45 triệu đồng có 23 hộ chiếm 46%, còn lại 10% với 5 hộ có thu nhập cao hơn 45 triệu đồng/năm (chi tiết thống kê tại bảng số 06). Năm 2021, nhờ trồng Vầu, Luồng, nhiều hộ thoát nghèo, có thu nhập đạt từ 30 - 45 triệu đồng/năm. Nhưng thị trường bán ra vẫn chưa ổn định, giá thành của sản phẩm Vầu, Luồng có Chứng chỉ rừng bán ra bằng giá thị trường, năm 2021 giá thành của sản phẩm Vầu, Luồng là 1,8 triệu/tấn Vầu và 1,1 triệu/tấn.

Bảng 6. Thống kê thu nhập hộ dân khai thác Vầu, Luồng

Stt	Mức thu nhập từ sản xuất Vầu (triệu đồng/năm)	Số hộ trồng Vầu (hộ)	Số hộ trồng Luồng (hộ)
1	Dưới 20 triệu	5	3
2	Từ 20-30 triệu	15	19
3	Từ 30-45 triệu	23	23
4	Trên 45 triệu	7	5
Tổng		50	50



Hình 5. Biểu đồ thu nhập của hộ gia đình trồng Vầu



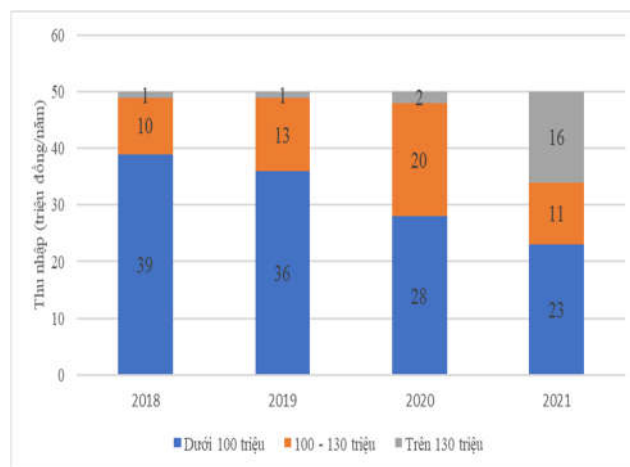
Hình 6. Biểu đồ thu nhập của hộ gia đình trồng Luồng

Kết quả phỏng vấn và tổng hợp số liệu tại bảng 7 và hình 7, 8 cho thấy số hộ gia đình trồng Vầu, Luồng có tổng thu nhập trên 130 triệu đồng/năm tại thời điểm năm 2021 lớn hơn thời điểm năm 2018. Số hộ gia đình có tổng thu nhập dưới 100 triệu đồng /năm đã giảm rõ rệt từ 41,02% và 50% năm 2018 đến năm 2021 đối với các hộ trồng Vầu và Luồng. Điều này cho thấy thu nhập của hộ gia đình sản xuất Vầu, Luồng có chứng chỉ đã được cải thiện rõ rệt. Tuy

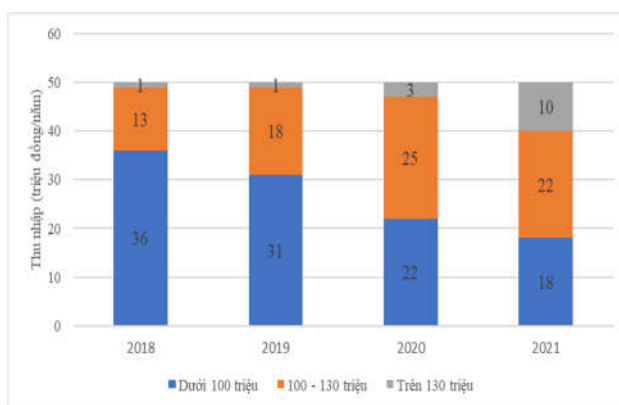
vậy, phần lớn thu nhập của các hộ gia đình này đến từ các hoạt động khác như sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi... Trên thực tế, giá thành Vầu, Luồng có chứng chỉ tăng khá chậm từ năm 2018 đến năm 2021 lần lượt tăng 20% và 22,2% từ 1,5 triệu đồng/tấn lên 1,8 triệu đồng/tấn và 0,9 triệu đồng/tấn lên 1,1 triệu đồng/tấn. Một phần nguyên nhân đến từ những tác động tiêu cực của dịch Covid-19, làm giảm đi sức tiêu thụ của thị trường.

Bảng 7. Mức thu nhập của các hộ gia đình tham gia CCR

Năm	Tổng thu nhập dưới 100 triệu/hộ		Tổng thu nhập 100 - 130 triệu/hộ		Tổng thu nhập trên 130 triệu/hộ	
	Vầu	Luồng	Vầu	Luồng	Vầu	Luồng
2018	39	36	10	13	1	1
2019	36	31	13	18	1	1
2020	28	22	20	25	2	3
2021	23	18	11	22	16	10



Hình 7. Thu nhập hộ trồng Vầu



Hình 8. Thu nhập hộ trồng Luồng

Sau khi đạt được Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC nhóm hộ CCR Ngọc Sơn - Thanh Hóa đã nâng cao được hiệu quả kinh tế, kinh doanh và tăng thu nhập cho người dân địa phương tại 2 xã Tam Thanh và Tam Lư. Thông qua đó, hoạt động quản lý rừng của chủ rừng là các nhóm hộ đã được công nhận và tin cậy; các chủ rừng được tiếp cận một cách chuyên nghiệp và bền vững các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hiện nay các sản phẩm Vầu, Luồng của nhóm hộ mới chỉ được thu mua bởi duy nhất một doanh nghiệp tư nhân và CCR của Nhóm hộ được giữ bởi doanh nghiệp này, do vậy các hoạt động và giá thành của sản phẩm còn bị phụ thuộc vào doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm. Đến năm 2021, Nhóm hộ đã có 03 năm kinh nghiệm thực hiện quản lý rừng bền vững và tích lũy được kiến thức trong quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm có CCR. Vì thế, để phát triển rừng Vầu, Luồng theo hướng hiệu quả và bền vững hơn, nhóm hộ chứng CCR cần duy

trì hoạt động quản lý một cách độc lập, từ đó có thể chủ động lựa chọn thị trường tiêu thụ, không phụ thuộc vào các doanh nghiệp bao tiêu. Để thực hiện mục tiêu này, chính quyền địa phương cần có các cơ chế, chính sách qua nhằm quảng bá, phát huy tiềm năng, thế mạnh cũng như tạo cơ hội để nâng cao giá trị cây Vầu, Luồng của nhóm hộ và mang lại giá trị kinh tế ổn định.

3.3.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả tổng hợp số liệu tại bảng 8 đã chỉ ra hiệu quả về xã hội Vầu, Luồng có chứng chỉ FSC tại huyện Quan Sơn là rất đáng kể. Cụ thể, tổng số lao động từ năm 2018 đến năm 2021 tăng 19,9% từ 1.272 lao động đến 1.525 lao động là người dân sống gần rừng có việc làm và nguồn thu nhập từ hoạt động sản xuất Vầu, Luồng, cụ thể từ năm 2018 đến năm 2021, số lao động chính của nhóm hộ tăng từ 630 người đến 721 người; số lao động thuê khoán tăng từ 642 đến 804 người (số liệu tại bảng 8).

Bảng 8. Lao động của nhóm hộ giai đoạn 2019 - 2021

Năm	Tổng (người)	Lao động chính của nhóm hộ (người)	Lao động thuê khoán (người)
2018	1.272	630	642
2019	1.293	643	650
2020	1.427	684	743
2021	1.525	721	804
Trung bình năm	1.378	670	710

(Nguồn: UBND xã Tam Thanh, 2021; UBND xã Tam Lư, 2021)

Qua 3 năm thực hiện QLRBV theo tiêu chuẩn quốc tế, các hộ thành viên nhóm hộ CCR đã nâng cao được nhận thức, năng lực, trình độ đối với nghề rừng. Hằng năm các nhóm hộ

thành viên tổ chức 2 đến 3 cuộc họp nhóm nhằm củng cố kỹ năng và nâng cao tay nghề trong quá trình trồng chăm sóc cây Vầu, Luồng. Hoạt động nhóm thể hiện tại hình 9.



Hình 9. Họp nhóm tại xã Tam Lư năm 2020

Để được cấp Chứng chỉ rừng cán bộ, người dân địa phương và các bên liên quan đã tham gia vào tiến trình lập kế hoạch quản lý rừng bền vững, góp phần làm giảm áp lực lên tài nguyên rừng. Nhận biết và tôn trọng các quyền truyền thống của người dân bản địa đối với tài nguyên rừng và quyền của công dân, từ đó điều kiện lao động và đời sống người dân được cải thiện. Trình độ nhận thức và năng lực của cán bộ, người dân tham gia thực hiện Chứng chỉ rừng được nâng cao. Bên cạnh đó cũng nâng cao nhận thức, hiểu biết tới các chủ rừng chưa tham gia thực hiện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng tại địa phương nói riêng, huyện Quan Sơn và các địa phương khác nói chung.

3.3.3. Hiệu quả môi trường

Nhóm hộ CCR tuân thủ bảo vệ vốn rừng hiện có, từ năm 2018 đến nay trên địa bàn không có vụ cháy rừng xảy ra. Bảo vệ các khu vực loại trừ và thực hiện khai thác tác động thấp, đưa các loại đất vào sử dụng có hiệu quả, độ che phủ rừng xã Tam Thanh và Tam Lư đạt 91% năm 2020 và làm thay đổi môi trường sinh thái theo hướng tích cực, ổn định nguồn nước, khí hậu trong vùng. Tài nguyên rừng và đất rừng được ổn định, độ che phủ của rừng được tăng lên trong quá trình trồng rừng và thực hiện các giải pháp lâm sinh, quản lý bảo vệ rừng và nuôi dưỡng rừng. Thực hiện khoanh nuôi bảo vệ 45,1 ha diện tích hành lang ven suối nguồn nước theo tiêu chuẩn của quốc tế giữ nguyên hiện trạng hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn 2 xã, ổn định cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất

của người dân. Từ 2018 đến 2021, không xảy ra các vụ vi phạm pháp luật trên địa bàn 02 xã Tam Thanh và Tam Lư (Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn, 2018, 2019, 2020, 2021).

4. KẾT LUẬN

Sau 03 năm thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn CCR FSC, với 3.045 ha diện tích Vầu, Luồng của 637 hộ gia đình đã nhận thấy rõ rệt lợi ích về cả ba yếu tố Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Rừng Luồng có mật độ khóm bình quân là 209 khóm/ha, số cây bình quân trên mỗi khóm từ 5 đến 16 cây, số cây bình quân của rừng đạt 1.700 cây/ha trữ lượng bình quân đạt 52,4 tấn/ha đạt sinh trưởng tốt. Kết quả điều tra OTC rừng Vầu cho thấy, chất lượng rừng Vầu có sinh trưởng rất tốt và cho năng suất cao, có mật độ cây 9.187 cây/ha được hộ dân trồng và quy hoạch đúng quy định trữ lượng đạt 16,2 tấn/ha, đáp ứng được chất lượng thương phẩm do thị trường đòi hỏi. Thực hiện phỏng vấn 100 hộ dân sản xuất diện tích Vầu, Luồng có CCR FSC trong năm 2021 có thu nhập khá đạt từ 30 - 45 triệu/năm. Chi phí trồng, chăm sóc và khai thác Vầu, luồng chiếm 1/2 giá trị Vầu, Luồng bán ra trên thị trường. Nhóm hộ đang gặp nhiều khó khăn trong tình hình sản xuất, nhất là đầu ra không ổn định, nguồn bán ra còn hạn chế, giá thu mua Vầu, Luồng hiện vẫn theo giá thị trường.

Nguồn kinh phí cho các hoạt động duy trì CCR cũng là một vấn đề khó khăn đối với các chủ rừng đã có chứng chỉ FSC của Nhóm hộ. Cần có các cơ chế, chính sách từ chính quyền

địa phương và ban ngành liên quan để quảng bá tiềm năng, thế mạnh cũng như tạo cơ hội để nâng cao giá trị cây Vầu, Luồng của nhóm hộ, từ đó nâng cao nhận thức về hiệu quả của mô hình Cấp chứng chỉ theo Nhóm hộ để xem xét nhân rộng trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Điền (chủ biên), Bùi Thế Đồi, Lê Việt Lâm, Trần Thị Thu Hà (2012). *Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh tre nứa*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018). *Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng*.
3. UBND huyện Quan Sơn (2018). *Phương án Quản lý rừng bền vững nhóm hộ Chứng chỉ rừng Ngọc Sơn - Thanh Hóa*.
4. Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn (2018, 2019, 2020, 2021). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng huyện Quan Sơn*.
5. Forest Stewardship Council (2021). <https://fsc.org/en>.

AN ASSESSMENT ON THE EFFECTIVENESS OF FOREST MANAGEMENT IN NGOC SON - THANH HOA HOUSEHOLD FOREST CERTIFICATE GROUP AFTER RECEIVING FSC FOREST MANAGEMENT CERTIFICATION

Le Thi Huyen Trang¹, Duong Tien Duc¹, Bui The Doi²

¹*Institute of Tropical Forest Research and Development*

²*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

This study was conducted to evaluate the effectiveness of implementing forest management after achieving the FSC forest management Certificate in Ngoc Son - Thanh Hoa household forest Certificate group. The number of sample plots to be established at the study site is 12 plots (500m²/plot) for growth and yield assessment for 2 species: *Indosasa amabilis* and *Dendrocalamus membranaceus*. The total survey of 50 households growing *I. amabilis* and 50 households growing *D. membranaceus* in 02 communes Tam Thanh and Tam Lu to assess the economic, social, and environmental efficiency. The results showed that: *D. Membranaceus* has an average density of 209 clusters/ha, the average number of trees/cluster is from 10 to 16 trees, the average number of trees in the forest is 1,700 trees/ha, the average volume is 52.4 tons/ha and good growth. The quality of *I. amabilis* forest has very good growth and high yield with tree density of 7,487 trees/ha and reserve of 16.2 tons/ha. In 2021, from planting *I. amabilis* and *D. membranaceus*, many households have economic development, the income of 30 - 45 million/year, higher than in 2018 when there wasn't forest certificate. But now, the market is still not stable, the price of *I. amabilis* and *D. membranaceus* products with forest certificates is sold at market prices. In 2021, the price of *I. amabilis* and *D. membranaceus* products is 1.8 million/tons of *I. amabilis* and 1.1 million/tons of *D. membranaceus*. Ngoc Son - Thanh Hoa household forest Certificate group after receiving FSC forest Certification, which has ensured long-term business activities with high productivity and efficiency, meet the needs of the local community, society, economy, and environment in sustainable development.

Keywords: *Dendrocalamus membranaceus*, *Indosasa amabilis*, household forest Certificate group, Quan Son - Thanh Hoa, sustainable forest management.

Ngày nhận bài : 02/01/2022
 Ngày phản biện : 28/01/2022
 Ngày quyết định đăng : 09/02/2022